

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HC- PT

Ngày: 20/01/2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ
trợ tái định cư*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán:

Ông Trần Đức Kiên

Ông Phùng Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 451/2024/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2024 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 240/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Phan Đình H**, sinh năm 1979; địa chỉ: **C B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H)**, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Luật sư **Nguyễn Đình H1, Công ty L1** thuộc **Đoàn luật sư tỉnh T**; địa chỉ: **B P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H)** (Theo Giấy ủy quyền ngày 13/01/2025). có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H);

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H);

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Lê N** – Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Việt B** – Phó Chủ tịch, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Hoàng Thị Thu H2**, sinh năm 1983; địa chỉ: **C B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H)**, vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H);

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Ngọc D** - Chủ tịch, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2024, lời khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa người khởi kiện ông **Phan Đình H** trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 8 (trước đây là thửa 535, tờ bản đồ: 01), diện tích 240m² tọa lạc tại **C B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế** là do cha, mẹ ông là ông **Phan Đình H3**, bà **Châu Thị N1** nhận chuyển nhượng của bà **Vũ Thị L**, được Phòng **Nông Lâm N2** xác nhận tại Giấy xác nhận quyền sử dụng đất số 247/NLN ngày 13/7/1991 có số thửa 535, tờ bản đồ 01, diện tích 240m². Trên thửa đất có 01 nhà ở được xây dựng từ năm 1983 (do Xí nghiệp nhà máy nước cho phép bà **Vũ Thị L** xây dựng và có hàng rào thép là 709m²). Ngày 15/9/2004, ông **H3**, bà **N1** được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất trên, có số thửa 09, tờ bản đồ số 08, diện tích 240m² tọa lạc tại **C B, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế**.

Từ năm 1991 đến năm 2011, ông **Phan Đình H3** đã nộp thuế đất phi nông nghiệp và đất nông nghiệp trên toàn bộ diện tích đất 709m². Từ năm 2012 đến năm 2022, ông **Phan Đình H3** nộp thuế phi nông nghiệp trên diện tích đất là 240m² (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân thành phố H cấp). Đến năm 2007, ông **H** lập gia đình và tách hộ khẩu. Kể từ đó đến nay, gia đình ông đã ra ở riêng và xây dựng nhà ở có diện tích khoảng 80m² và kinh doanh với các dịch vụ điện, Internet... riêng biệt. Ông **H** cũng đã thực hiện kê khai đóng thuế phi nông nghiệp và các nghĩa vụ liên quan khác đối với diện

tích 211m² trên thửa đất số 09, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại **C B, phường P, thành phố H**. Đến năm 2012, vợ chồng ông **H** được tách ra đóng thuế đất phi nông nghiệp đối với diện tích là 211m², tên chủ hộ: **Phan Đình H**. Diện tích nhà, đất của vợ chồng ông **H** đang sử dụng là 211m² được cha, mẹ ông **H** tặng cho năm 2007.

Mặt khác, gia đình ông hiện là hộ kinh doanh mặt hàng văn phòng phẩm và dụng cụ học sinh, đã hoạt động kinh doanh từ năm 2015, có giấy phép kinh doanh hiện tại nơi ở phục vụ làm kho bãi hàng hóa và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 31A8024267 của **Ủy ban nhân dân thành phố H** vào ngày 26/9/2019, hộ kinh doanh của ông đã thực hiện nghĩa vụ đóng thuế hàng năm đầy đủ và được **Ủy ban nhân dân phường P** xác nhận đang hoạt động kinh doanh tại địa phương. Tuy thửa đất của vợ chồng ông chưa được tách thửa nhưng ông **H** đã kê khai đăng ký sử dụng riêng với mã thửa 04702437048 và đã kê khai, đóng thuế hàng năm.

Diện tích nhà, đất vợ chồng ông **H** đang sử dụng là 211m² tại thửa đất số 09, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại **C B, phường P, thành phố H** là sử dụng ổn định, không có tranh chấp được Ủy ban nhân dân phường cho kê khai, đăng ký nộp thuế đất hàng năm nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, diện tích đất 211m² vợ chồng ông sử dụng vẫn được pháp luật công nhận là đất do cha, mẹ ông sử dụng ổn định từ năm 1991, được Ủy ban nhân dân phường xác nhận không có tranh chấp, theo quy định của Luật Đất đai năm 2003 thì vẫn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2023, **Ủy ban nhân dân thành phố H** ban hành Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của **Ủy ban nhân dân thành phố H** về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Chính trang khu vực **còn D (phía T), thành phố H**. Gia đình ông **H** không đồng ý với việc bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất của **Ủy ban nhân dân thành phố H** tại Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 11/8/2023. Đến ngày 10/6/2024, Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố H** đã ban hành Quyết định số 5271/QĐ-UBND của **Ủy ban nhân dân thành phố H** về việc cưỡng chế phá dỡ nhà ở của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4**. Do đó, ông **Phan Đình H** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 5271/QĐ-UBND của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố H** ban hành ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc cưỡng chế phá dỡ nhà ở của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4**.

- Hủy một phần Quyết định số 7079/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Chính trang khu vực cồn D (phía Tây), thành phố H của hộ gia đình của ông Phan Đình H và bà Hoàng Thị Thúy H4.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư cho hộ gia đình của ông Phan Đình H và bà Hoàng Thị Thúy H4 đối với diện tích đất bị thu hồi là 211m² theo hướng: Bồi thường toàn bộ diện tích đất 211m² với mức bồi thường 100%; (ii) Cấp cho hộ gia đình ông Phan Đình H và bà Hoàng Thị Thúy H4 01 lô đất tái định cư.

[2] Tại Công văn số 6363/UBND-KNTC ngày 09/7/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố H về việc việc phúc đáp Thông báo thụ lý số 589/2024/TB-TLVA ngày 12/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố H, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H trình bày như sau:

Ông Phan Đình H có nhà xây dựng trên thửa đất của ông Phan Đình H3 - Châu Thị N3 bị thu hồi đất thuộc dự án Chính trang cồn Dã viên (phía Tây) tại phường P, thành phố H;

Về quá trình thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng nhà đất của ông Phan Đình H5 - Châu Thị N1: Căn cứ xác nhận của Ủy ban nhân dân phường tại tờ khai nguồn gốc sử dụng đất và Công văn số 117/UBND-ĐC ngày 22/7/2022, Công văn số 11/UBND-GPMB ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân phường P, nguồn gốc thửa đất trên như sau: Ngày 06/8/1985, Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 1487 cấp 656m² đất cho Xí nghiệp nước Huế. Ngày 02/7/1991, Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định số 412 về thu hồi và giao đất qua đó thu hồi toàn bộ diện tích 656m² đất và cấp ổn định lâu dài cho ông Phan Đình U diện tích 240m². Ngày 18/01/1991, ông Phan Đình U và ông Phan Đình H3 có văn bản mua bán nhà và được các cấp chính quyền xác nhận với diện tích mua bán là 240m². Ngày 15/9/2004, ông bà Phan Đình H3 - Châu Thị N1 đã được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 240m² loại đất ở + vườn. Phần diện tích hiện trạng tăng so với giấy chứng nhận là do ông Phan Đình H3 lấn chiếm sử dụng sau ngày 15/10/1993 đến trước 01/7/2004. Qua kiểm tra thì theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp 15/9/2004 phần diện tích lấn chiếm tăng so với Giấy chứng nhận đã cấp thể hiện là đất trống.

Liên quan đến nguồn gốc tài sản của ông **Phan Đình H**: Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường tại Công văn số 11/UBND-GPMB ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân phường Phường Đức: Thời điểm 2007 ông **Phan Đình H** lập gia đình có cải tạo sửa chữa lại nhà (phần nhà đã được ông **H3** ngăn cho ở riêng) và sử dụng ổn định trên thửa đất số 09, tờ 08 diện tích 240m² (thuộc thửa đất bị thu hồi do ông **Phan Đình H3** quản lý).

Quá trình bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Trên cơ sở đề nghị của Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố tại Công văn số 2049/TTPTQĐ-GPMB ngày 27/7/2027, căn cứ xác nhận nguồn gốc nhà đất của Ủy ban nhân dân phường tờ khai nguồn gốc sử dụng đất và Công văn số 117/UBND-ĐC. Ngày 23/8/2022, **Phòng T** có Công văn số 2056/TNMT-GPMB về việc thông báo kết quả thẩm định về đất. Trong đó ông, bà **Phan Đình H3 - Châu Thị N1** được bồi thường đất ở 100% diện tích 200m², đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở diện tích 40m², không bồi thường về đất diện tích 484,9m². Ngày 07/11/2022, Trung tâm phát triển quỹ đất có Tờ trình số 367/TTr- TTPTQĐ về việc đề nghị thẩm định Phương án bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Chinh trang khu vực **cồn D (phía T), thành phố H**. Trên cơ sở đề xuất của Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố H** và các hồ sơ kèm theo, **Phòng T** đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 8738/QĐ-UBND ngày 15/11/2022; trong đó: Về tái định cư: Bố trí 01 lô cho ông bà **Phan Đình H3 - Châu Thị N1** theo khoản 1 Điều 9 Quyết định số 36 ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 02/8/2023, Trung tâm phát triển quỹ đất có Tờ trình số 260/TTr- TTPTQĐ ngày 02/8/2023 đề nghị phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư. Trên cơ sở đề xuất của Trung tâm phát triển quỹ đất **thành phố H** và các hồ sơ kèm theo, **Phòng T** đã tham mưu UBND thành phố ban hành Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 11/8/2023; trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản cho ông, bà **Phan Đình H - Hoàng Thị Thúy H4** (tài sản xây dựng trên đất của bố, mẹ **Phan Đình H3 - Châu Thị N1**), giá trị là 269.231.000 đồng.

- Về tái định cư: Bố trí 01 lô, căn cứ khoản 2 Điều 9 Quyết định số 36 ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Liên quan nội đến khiếu nại của ông **Phan Đình H** khiếu nại đề nghị hủy một phần Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân **thành phố H** về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và đề nghị bồi thường về đất diện tích 211m². Căn cứ xác nhận của Ủy ban nhân dân phường tại tờ khai nguồn gốc sử dụng đất và Công văn số 11/UBND-GPMB ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân phường **P**, căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được

Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 15/9/2004 cho ông, bà **Phan Đình H3 - Châu Thị N1**, Bản đồ địa chính 202 đo vẽ năm 1996 - 1997 và bản đồ Gis đo vẽ năm 2007 - 2009 đều thể hiện tên ông **Phan Đình H3**. Do đó đối tượng đang sử dụng đất đất tại thửa đất thu hồi số 16, tờ bản đồ 01 từ trước cho đến nay là vợ chồng ông, bà **Phan Đình H3 - Châu Thị N1**. Vì vậy, căn cứ Luật Đất đai năm 2013, Căn cứ Quy định tại Điều 12 Nghị định số 47/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và các văn bản pháp luật liên quan thì việc Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 8738/QĐ-UBND ngày 15/11/2022 và Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 11/08/2023 của Ủy ban nhân dân là đúng quy định. Do đó việc ông **Phan Đình H** đề nghị hủy một phần Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 và đề nghị bồi thường về đất cho ông **Phan Đình H** với diện tích là 211m² là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Hoàng Thị Thúy H4** trình bày: Thống nhất với lời khai và yêu cầu của người khởi kiện ông **Phan Đình H**. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Ủy ban nhân dân phường P** trình bày:

Về yêu cầu khởi kiện của ông **Phan Đình H** thì Ủy ban nhân dân phường không có ý kiến nhưng về nguồn gốc sử dụng đất của trường hợp ông **Phan Đình H3** thì Ủy ban nhân dân phường cung cấp các thông tin như sau:

Ủy ban nhân dân tỉnh B ban hành Quyết định số 1487 ngày 06/8/1985 cấp 656m² đất cho Xí nghiệp nước Huế thuộc **Sở X1** với diện tích 656m² để xây dựng công trình nhà ở gia đình, (có bản vẽ do **Ủy ban xây dựng tỉnh B** vẽ ngày 04/8/1985 thể hiện 03 ngôi nhà).

+ Theo Bản đồ 299: Thửa đất mang ký hiệu số 535 với diện tích 570m² do ông **Phạm Đình U1** đứng tên, trong đó theo sổ bộ ruộng đất thì 500m² đất T và tạm giao 70m² đất LNK.

+ Vào ngày 02/7/1991, căn cứ trên Quyết định số 1487 của **Ủy ban nhân dân tỉnh B**, **Ủy ban nhân dân thành phố H** đã ban hành Quyết định số 412 về việc thu hồi và giao đất, qua đó thu hồi toàn bộ diện tích 656m² và cấp ổn định lâu dài cho ông **Phạm Đình U1** 240m² sử dụng vào mục đích xây dựng nhà ở.

- Qua dữ liệu trên thì thực tế lúc đó tỉnh Bình Trị Thiên chỉ giao 656m² đất để xây dựng nhà ở, không giao thêm diện tích đất khác. Tuy nhiên, trên thực tế thì việc sử dụng thửa đất số 535 đã được hộ ông **Phạm Đình U1** sử dụng từ năm 1983. Vì trên thực tế năm 1983 sau khi sinh sống đã cải tạo, lấn chiếm thêm diện tích để canh tác nông nghiệp nên khi dữ liệu bản đồ 299 đã thể hiện thực tế việc sử dụng đất theo hiện trạng.

- Về nội dung sử dụng đất của ông **Phan Đình H3**:

+ Ngày 13/7/1991, Phòng Lâm Ngư Nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H có giấy xác nhận số 247 xác nhận quyền sử dụng đất cho bà **Vũ Thị L** là vợ ông **Phạm Đình U1** với diện tích 240m², loại đất T.

Ngày 18/01/1991, hộ ông **Phạm Đình U1** và ông **Phan Đình H3** có văn bản mua bán cho nhận nhà và được các cấp chính quyền xác nhận. Hai bên đã chuyển giao toàn bộ tất cả các giấy tờ nhà đất liên quan và toàn bộ phần diện tích đất 570m² theo bản đồ 299.

+ Ngày 19/7/1991, ông **H3** cải tạo lại ngôi nhà và đã được phòng xây dựng nhà đất thành phố H lập bản vẽ xác nhận.

-Tại bản đồ 202, thửa đất này thể hiện số thửa 09, tờ bản đồ số 8, diện tích 709,6m² do ông **Phan Đình H3** đứng tên, trong đó đất loại T là 200m², đất vườn 509,48m². Do vậy, dữ liệu tại bản đồ này và Quyết định 412 của thành phố có sự chênh lệch về đất ở.

+ Tại bản đồ Gis: Thể hiện thửa đất số 09, tờ bản đồ số 9, diện tích 709,6m² không thay đổi so với bản đồ 202 do ông **Phan Đình H3** đứng tên kê khai.

Qua đó việc chênh lệch diện tích giữa các bản đồ là do trong quá trình sinh sống hộ gia đình đã khai khẩn chiếm dụng thêm đất để canh tác nông nghiệp nên dẫn đến biến động tăng so với quyết định được cấp và so với thực tế sử dụng đất theo bản đồ 299. Đối với diện tích tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/9/2004, thì thành phố cấp theo quyết định thu hồi giao đất 412.

Từ những nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H) đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 116; Điều 157, khoản 1 Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015; Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 11 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh **Thừa Thiên H6**; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Phan Đình H** về yêu cầu tuyên hủy một phần Quyết định số 7079/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố **H** ban hành ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Chinh trang khu vực **cồn D** (phía Tây), **thành phố H** của hộ gia đình của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4**; buộc Ủy ban nhân dân thành phố **H** ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư cho hộ gia đình của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4** đối với diện tích đất bị thu hồi là 211m² theo hướng: (i) Bồi thường toàn bộ diện tích đất 211m² với mức bồi thường 100%, (ii) cấp cho hộ gia đình ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4** 01 lô đất tái định cư; yêu cầu hủy Quyết định số 5271/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **H** ban hành ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc cưỡng chế phá dỡ nhà ở của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4**.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/10/2024, người khởi kiện ông **Phan Đình H** kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm. Lý do kháng cáo ông **H** cho rằng thửa đất có diện tích 211m², bố mẹ ông đã sử dụng từ năm 1991, tặng cho ông từ năm 2007, ông **H** đã quản lý sử dụng thửa đất, đã thực hiện nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính đầy đủ cho nhà nước, nay UBND thành phố thu hồi không bồi thường và tiến hành cưỡng chế đối với ông là không đúng pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của ông là không đúng, nay ông **H** đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, hủy một phần Quyết định phê duyệt bồi thường và Quyết định cưỡng chế, buộc **UBND thành phố H** ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất 211m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông **Phan Đình H**, rút lại yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 5271/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố **H** ban hành ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc cưỡng chế phá dỡ nhà ở của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4**, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo đối với các nội dung còn lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của ông **Phan Đình H**, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của ông **Phan Đình H**, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng đối tượng, thời hiệu và thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, khoản 4 Điều 32 khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông **Phan Đình H**, rút lại yêu cầu khởi kiện hủy Quyết định số 5271/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc cưỡng chế phá dỡ nhà ở của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4**, xét thấy, đây là quyền của đương sự, tuy nhiên do người bị kiện vắng mặt, không có ý kiến về việc đương sự rút một phần yêu cầu khởi kiện, do vậy, Hội đồng xét xử vẫn xem xét, giải quyết toàn bộ vụ án theo quy định của pháp luật.

[1.3] Kháng cáo của ông **Phan Đình H** là hợp lệ, trong thời hạn pháp luật quy định, do vậy, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét về nguồn gốc thửa đất, xét thấy:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Nguồn gốc thửa đất 656m² là của Nhà nước, ngày 06/8/1985 Ủy ban nhân dân tỉnh B đã ban hành Quyết định số 1487 cấp 656m² đất cho Xí nghiệp nước Huế. Ngày 02/7/1991, Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định số 412 về thu hồi và giao đất qua đó thu hồi toàn bộ diện tích 656m² đất và cấp cho ông **Phan Đình U**, diện tích 240m². Ngày 18/01/1991, ông **Phan Đình U** và ông **Phan Đình H3** có văn bản mua bán nhà với diện tích mua bán là 240m².

Ngày 15/9/2004, ông bà **Phan Đình H3 - Châu Thị N1** đã được Ủy ban nhân dân thành phố cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 240m², loại đất ở + vườn. Phần diện tích hiện trạng tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do ông **Phan Đình H3** lấn chiếm sử dụng sau ngày 15/10/1993 đến trước 01/7/2004.

[2.2]. Liên quan đến nguồn gốc tài sản của ông **Phan Đình H**:

Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân phường tại Công văn số 11/UBND-GPMB ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân phường P: Thời điểm 2007, ông Phan Đình H lập gia đình có cải tạo sửa chữa lại nhà (phần nhà đã được ông H3 ngăn cho ở riêng) và sử dụng ổn định trên thửa đất số 09, tờ 08 diện tích 240m² (thuộc thửa đất đã bị thu hồi do ông Phan Đình H3 quản lý).

Năm 2023, thực hiện dự án Chinh trang khu vực còn D (phía Tây), thành phố H, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 7079/QĐ-UBND, ngày 11 tháng 8 năm 2023, về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

Quá trình bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Đối với ông, bà Phan Đình H3 - Châu Thị N1 được bồi thường đất ở 100% diện tích 200m², đất nông nghiệp trong cùng thửa đất ở diện tích 40m², không bồi thường về đất diện tích 484,9m². Ủy ban nhân dân thành phố H đã ban hành Quyết định số 8738/QĐ-UBND ngày 15/11/2022; trong đó: Về tái định cư: Bố trí 01 lô cho ông bà Phan Đình H3 - Châu Thị N1 theo khoản 1 Điều 9 Quyết định số 36 ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

UBND thành phố ban hành Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 11/8/2023; trong đó: Bồi thường, hỗ trợ về tài sản cho ông, bà Phan Đình H - Hoàng Thị Thúy H4 (tài sản xây dựng trên đất của bố, mẹ Phan Đình H3 - Châu Thị N1), giá trị là 269.231.000 đồng. Về tái định cư: Bố trí 01 lô đất tái định cư cho ông, bà Phan Đình H - Hoàng Thị Thúy H4, theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Quyết định số 36 ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Với nguồn gốc đất như đã phân tích nêu trên, gia đình ông H sử dụng phần đất tăng thêm có nguồn gốc lấn chiếm đất của Nhà nước, không đủ điều kiện bồi thường theo quy định của pháp luật, khi thực hiện dự án Chinh trang khu vực còn D (phía Tây), thành phố H, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 7079/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư cho ông H như nêu trên là đúng pháp luật, không có căn cứ buộc Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư cho hộ gia đình của ông Phan Đình H và bà Hoàng Thị Thúy H4 đối với diện tích đất bị thu hồi là 211m², việc xem xét, giải quyết của UBND thành phố Huế đối với ông H, bà H4 là đúng quy định tại Điều 74; 75; 82; 83 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung Điều 11 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ, tái

định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H).

[3]. Xem xét yêu cầu hủy Quyết định số 5271/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc cưỡng chế phá dỡ nhà ở của ông Phan Đình H và bà Hoàng Thị Thúy H4, X thấy, như nhận định nêu trên, ông Phan Đình H và bà Hoàng Thị Thúy H4 xây dựng nhà ở trên đất của ông Phan Đình H3 - C, thuộc khu vực bị thu hồi đất thuộc dự án Chinh trang còn D1 (phía Tây) tại phường P, thành phố H, Ủy ban nhân dân thành phố H đã thực hiện việc thu hồi, phương án bồi thường, hỗ trợ và thu hồi đất khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình ông Phan Đình H3 - C đúng quy định pháp luật. Nhưng do ông H không chấp hành, do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H ra cưỡng chế phá dỡ nhà ở của ông Phan Đình H và bà Hoàng Thị Thúy H4 là cần thiết và đúng quy định pháp luật.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông H, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

[4] Về án phí hành chính sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do bác kháng cáo nên ông Phan Đình H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Phan Đình H, giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 19/2024/HC-ST ngày 23/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H).

Áp dụng các Điều 74; 75; 82; 83 Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 21/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh T ban hành quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố H).

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đình H về yêu cầu tuyên hủy một phần Quyết định số 7079/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành ngày 11 tháng 8 năm 2023 về việc phê duyệt bổ sung giá trị bồi

thường, hỗ trợ và phương án tái định cư khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Chính trang khu vực **cồn D** (phía Tây), **thành phố H** của hộ gia đình của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4**; buộc **Ủy ban nhân dân thành phố H** ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và phương án tái định cư cho hộ gia đình của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4** đối với diện tích đất bị thu hồi là 211m² theo hướng: (i) Bồi thường toàn bộ diện tích đất 211m² với mức bồi thường 100%, (ii) cấp cho hộ gia đình ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4** 01 lô đất tái định cư; yêu cầu hủy Quyết định số 5271/QĐ-UBND của Chủ tịch **Ủy ban nhân dân thành phố H** ban hành ngày 10 tháng 6 năm 2024 về việc cưỡng chế phá dỡ nhà ở của ông **Phan Đình H** và bà **Hoàng Thị Thúy H4**.

2. Về án phí sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Áp dụng khoản 1, Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; ông **Phan Đình H** phải chịu 300.000 đồng án phí, trừ số tiền tạm ứng tại Biên lai số 0000322 ngày 25/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là **thành phố H**).

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Cục THADS thành phố Huế;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Công Thi

